

Số: /SNV-NCC

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

V/v đề nghị UBND các xã,
phường, đặc khu đẩy mạnh
công tác chi trả trợ cấp ưu đãi
đối với người có công thông
qua hình thức chi trả không
dùng tiền mặt

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt; Công điện số 124/CĐ-TTg ngày 30/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền trong việc tăng cường công tác chi trả trợ cấp ưu đãi, an sinh xã hội không dùng tiền mặt;

Thời gian qua, Sở Nội vụ đã ban hành nhiều văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường, đặc khu quan tâm, chỉ đạo, phối hợp trong việc chi trả trợ cấp ưu đãi đối với người có công thông qua hình thức chi trả không dùng tiền mặt; cụ thể: (1) Công văn số 872/SNV-NCC ngày 25/8/2025 về việc tăng cường thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đến đối tượng người có công với cách mạng; (2) Công văn số 1804/SNV-NCC ngày 16/10/2025 về việc triển khai Công điện số 124/CĐ-TTg ngày 30/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện, Sở Nội vụ nhận thấy nhiều địa phương chưa triển khai quyết liệt công tác chi trả trợ cấp ưu đãi không dùng tiền mặt; số đối tượng người có công có tài khoản trên đối tượng người có công có mặt trên địa bàn còn thấp,... gây khó khăn trong quá trình chi trả trợ cấp cho đối tượng, bất cập trong công tác theo dõi tình hình số lượng đối tượng người có công tại địa phương. *(Có phụ lục kèm theo).*

Nhằm đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ số trong công tác chi trả trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng, đảm bảo kịp thời, nhanh chóng, minh bạch, thuận tiện cho người thụ hưởng, Sở Nội vụ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tiếp tục khẩn trương triển khai một số nội dung dưới đây:

1. Nghiêm túc quán triệt đầy đủ, cụ thể nội dung Công văn số 1214/UBND-KGVX ngày 07/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội không dùng tiền mặt; Công văn số 872/SNV-NCC ngày 25/8/2025 về việc tăng cường thực hiện chi trả trợ

cấp không dùng tiền mặt đến đối tượng người có công với cách mạng, Công văn số 1804/SNV-NCC ngày 16/10/2025 về việc triển khai Công điện số 124/CD-TTg ngày 30/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền trong việc tăng cường công tác chi trả trợ cấp ưu đãi, an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

2. Chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp với Công an xã rà soát, cập nhật số điện thoại chính chủ và số căn cước công dân của các đối tượng phục vụ việc mở tài khoản và chi trả qua các ứng dụng ngân hàng, đảm bảo dữ liệu đối tượng luôn **“đúng, đủ, sạch, sống”** để việc thực hiện chi trả trợ cấp được chính xác, kịp thời. Trong trường hợp, các đối tượng người có công với cách mạng không đủ điều kiện mở tài khoản theo quy định và không có người ủy quyền nhận thay, thì thực hiện chi trả trực tiếp qua tổ chức dịch vụ chi trả hoặc các phương thức khác theo quy định.

3. Đối với các xã tỷ lệ chi trả trợ cấp ưu đãi thông qua hình thức không dùng tiền mặt còn thấp hoặc chưa triển khai đến đối tượng, gây ảnh hưởng đến tỷ lệ chung của toàn tỉnh (*kế hoạch năm 2025, phấn đấu đạt tỷ lệ đối tượng người có công với cách mạng được nhận trợ cấp qua tài khoản đạt tối thiểu 70% trên tổng số đối tượng thuộc địa phương quản lý*).

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quan tâm, chỉ đạo làm rõ nguyên nhân chưa triển khai thực hiện trên địa bàn quản lý (*trong khi các địa phương có điều kiện tương đồng đã triển khai hiệu quả công tác chi trả không dùng tiền mặt*); triển khai các giải pháp khắc phục; trong đó chú trọng học tập kinh nghiệm của các địa phương có kết quả thực hiện tốt để áp dụng triển khai thực hiện. Đến ngày 30/4/2026, đề nghị các địa phương chưa triển khai hoặc có tỷ lệ dưới 70% phải đạt tỷ lệ 70% trở lên; trong trường hợp, các địa phương không đạt tỷ lệ theo kế hoạch đề ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm và giải trình trước Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chỉ đạo thường xuyên rà soát cập nhật danh sách đối tượng từ trần, đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi hằng tháng, bổ sung vào danh sách đăng ký nhận chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt, tiến hành nhập dữ liệu thông tin trên Phần mềm quản lý chi trả.

4. Đề nghị UBND cấp xã phối hợp với các các tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tổ chức tuyên truyền, vận động hỗ trợ mở tài khoản, phát hành thẻ và hướng dẫn sử dụng cho người có công với cách mạng (thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng, tổ chức Lễ phát động chi trả không dùng tiền mặt,...), đặc biệt là đối tượng người có công cao tuổi, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trường hợp, đối tượng người có công với cách mạng không đủ điều kiện mở tài khoản theo quy định thì đẩy mạnh thông qua hình thức ủy quyền để mở tài khoản. Chủ động báo cáo công tác triển khai chi trả trợ cấp ưu đãi cho đối tượng người có công không dùng tiền mặt, nguyên nhân, khó khăn, kiến nghị giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai về Sở

Nội vụ (thông qua phòng Người có công) định kỳ 02 lần/tháng vào ngày 5 và ngày 20 hằng tháng.

Sở Nội vụ đề nghị Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn cấp xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Công an tỉnh;
- Ngân hàng NN khu vực 9;
- Bưu điện tỉnh;
- Viettel tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở phụ trách lĩnh vực NCC;
- Kế toán Sở;
- Lưu: VT, NCC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Dũng

Phụ lục
BÁO CÁO SỐ LIỆU TRIỂN KHAI CHI TRẢ TRỢ CẤP KHÔNG DÙNG
TIỀN MẶT CHO ĐỐI TƯỢNG AN SINH XÃ HỘI
(THÁNG 01 NĂM 2026)

TT	Xã, phường, đặc khu	Tổng số đối tượng	Đã có tài khoản	Đạt tỷ lệ (%)	Đối tượng đã chi tiền qua tài khoản	Đạt tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	39.728	27.492	69,20%	27.492	100
1	Phường Trương Quang Trọng	614	479	78,01	479	100
2	Phường Cẩm Thành	1.459	999	68,47	999	100
3	Phường Nghĩa Lộ	1.631	1.420	87,06	1.420	100
4	Xã Tịnh Khê	1.109	1.078	97,20	1.078	100
5	Xã An Phú	822	676	82,24	676	100
6	Phường Trà Câu	1.643	957	58,25	957	100
7	Phường Đức Phổ	1.352	994	73,52	994	100
8	Phường Sa Huỳnh	557	370	66,43	370	100
9	Xã Nguyễn Nghiêm	490	323	65,92	323	100
10	Xã Khánh Cường	980	510	52,04	510	100
11	Xã Bình Minh	507	201	39,64	201	100
12	Xã Bình Chương	315	309	98,10	309	100
13	Xã Bình Sơn	1.713	1.600	93,40	1.600	100
14	Xã Vạn Tường	1.318	604	45,83	604	100
15	Xã Đông Sơn	2.271	1.107	48,75	1.107	100
16	Xã Trường Giang	1.070	962	89,91	962	100
17	Xã Ba Gia	1.009	748	74,13	748	100
18	Xã Sơn Tịnh	1.335	1.329	99,55	1.329	100
19	Xã Thọ Phong	692	554	80,06	554	100
20	Xã Tư Nghĩa	442	441	99,77	441	100
21	Xã Vệ Giang	265	265	100,00	265	100
22	Xã Nghĩa Giang	654	564	86,24	564	100
23	Xã Trà Giang	1.068	927	86,80	927	100
24	Xã Nghĩa Hành	186	154	82,80	154	100
25	Xã Đình Cương	680	521	76,62	521	100
26	Xã Thiện Tín	842	675	80,17	675	100
27	Xã Phước Giang	203	180	88,67	180	100
28	Xã Long Phụng	709	524	73,91	524	100
29	Xã Mộ Cày	2.259	1.886	83,49	1.886	100
30	Xã Mộ Đức	871	674	77,38	674	100
31	Xã Lân Phong	1.498	1.395	93,12	1.395	100
32	Xã Trà Bồng	147	138	93,88	138	100
33	Xã Đông Trà Bồng	68	68	100,00	68	100
34	Xã Tây Trà	223	40	17,94	40	100

TT	Xã, phường, đặc khu	Tổng số đối tượng	Đã có tài khoản	Đạt tỷ lệ (%)	Đối tượng đã chi tiền qua tài khoản	Đạt tỷ lệ (%)
35	Xã Thanh Bồng	113	0	0,00	0	0
36	Xã Cà Đam	41	41	100,00	41	100
37	Xã Tây Trà Bồng	111	93	83,78	93	100
38	Xã Sơn Hạ	296	266	89,86	266	100
39	Xã Sơn Linh	146	41	28,08	41	100
40	Xã Sơn Hà	500	414	82,80	414	100
41	Xã Sơn Thủy	263	38	14,45	38	100
42	Xã Sơn Kỳ	345	0	0,00	0	0
43	Xã Sơn Tây	372	338	90,86	338	100
44	Xã Sơn Tây Thượng	204	195	95,59	195	100
45	Xã Sơn Tây Hạ	149	130	87,25	130	100
46	Xã Minh Long	220	219	99,55	219	100
47	Xã Sơn Mai	120	120	100,00	120	100
48	Xã Ba Vì	235	123	52,34	123	100
49	Xã Ba Tô	107	73	68,22	73	100
50	Xã Ba Đình	163	161	98,77	161	100
51	Xã Ba Tơ	329	328	99,70	328	100
52	Xã Ba Vinh	259	61	23,55	61	100
53	Xã Ba Động	182	137	75,27	137	100
54	Xã Đặng Thủy Trâm	71	41	57,75	41	100
55	Xã Ba Xa	69	49	71,01	49	100
56	Đặc khu Lý Sơn	50	50	100,00	50	100
57	Phường Kon Tum	584	184	31,51	184	100
58	Phường Đắk Cấm	204	114	55,88	114	100
59	Phường Đắk Bla	115	25	21,74	25	100
60	Xã Ngọc Bay	45	11	24,44	11	100
61	Xã Ia Chim	48	0	0,00	0	0
62	Xã Đắk Rơ Wa	54	10	18,52	10	100
63	Xã Đắk Pxi	16	06	37,50	06	100
64	Xã Đắk Mar	97	25	25,77	25	100
65	Xã Đắk Ui	185	17	9,19	17	100
66	Xã Ngọc Réo	63	01	1,59	01	100
67	Xã Đắk Hà	251	188	74,90	188	100
68	Xã Ngọc Tụ	16	0	0,00	0	0
69	Xã Đắk Tô	152	0	0,00	0	0
70	Xã Kon Đào	37	0	0,00	0	0
71	Xã Đắk Sao	215	0	0,00	0	0
72	Xã Đắk Tờ Kan	50	0	0,00	0	0
73	Xã Tu Mơ Rông	36	0	0,00	0	0
74	Xã Măng Ri	110	0	0,00	0	0
75	Xã Bờ Y	255	221	86,67	221	100
76	Xã Sa Loong	76	0	0,00	0	0
77	Xã Dục Nông	568	0	0,00	0	0
78	Xã Xốp	82	0	0,00	0	0
79	Xã Ngọc Linh	42	0	0,00	0	0
80	Xã Đắk Plô	132	0	0,00	0	0

TT	Xã, phường, đặc khu	Tổng số đối tượng	Đã có tài khoản	Đạt tỷ lệ (%)	Đối tượng đã chi tiền qua tài khoản	Đạt tỷ lệ (%)
81	Xã Đăk Pék	164	0	0,00	0	0
82	Xã Đăk Môn	190	0	0,00	0	0
83	Xã Sa Thầy	81	0	0,00	0	0
84	Xã Sa Bình	38	0	0,00	0	0
85	Xã Ya Ly	68	0	0,00	0	0
86	Xã Ia Toi	05	05	100	05	100
87	Xã Đăk Kôi	124	45	36,29	45	100
88	Xã Kon Braih	40	31	77,50	31	100
89	Xã Đăk Rve	71	17	23,94	17	100
90	Xã Măng Đen	52	0	0,00	0	0
91	Xã Măng Bút	58	01	1,72	01	100
92	Xã Kon Plông	92	0	0,00	0	0
93	Xã Đăk Long	74	0	0,00	0	0
94	Xã Rờ Koi	25	0	0,00	0	0
95	Xã Mô Rai	45	0	0,00	0	0
96	Xã Ia Đal	01	01	100,00	01	100